

Nghệ An, ngày 15 tháng 2 năm 2020

**KẾ HOẠCH KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CHUẨN ĐẦU RA,  
KHUNG CTĐT, KHUNG NĂNG LỰC TIẾP CẬN CDIO  
NGÀNH CHĂN NUÔI**

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHV ngày 26/04/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành đề án xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ công văn số 144/TB-ĐHV ngày 24/05/2016 của phòng Hành chính tổng hợp về kết luận của Hiệu trưởng đối với việc xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tiếp cận CDIO;

Căn cứ công văn số 923/ĐHV-KHHTQT, ngày 10/08/2016 của Hiệu trưởng về việc triển khai điều tra, khảo sát về khung chương trình, khung năng lực và chuẩn đầu ra cấp độ 3,

Ngành Nuôi trồng thủy sản xây dựng kế hoạch khảo sát, điều tra lấy ý kiến chuẩn đầu ra, khung năng lực, khung chương trình như sau:

**1. Cơ cấu đối tượng lấy phiếu điều tra:**

**1.1. Địa bàn, số phiếu**

| TT | Địa điểm       | Số phiếu | Cán bộ đi khảo sát       | Ghi chú     |
|----|----------------|----------|--------------------------|-------------|
| 1  | Hà Nội         | 15       | 1/Nguyễn Đình Vinh       | Trưởng đoàn |
|    |                |          | 2/ Tạ Thị Bình           |             |
|    |                |          | 3/ Trần Ngọc Toàn        |             |
| 2  | Nghệ An        | 74       | 1/Nguyễn Thức Tuấn       | Trưởng đoàn |
|    |                |          | 2/Trương Thị Thành Vinh  |             |
| 3  | TP Hồ Chí Minh | 5        | 1/Phạm Mỹ Dung           | Trưởng đoàn |
|    |                |          | 2/Nguyễn Thị Thanh       |             |
| 4  | Cần Thơ        | 6        | 1/Lê Minh Hải            | Trưởng đoàn |
|    |                |          | 2/Nguyễn Thị Hương Giang |             |

**1.2. Đối tượng**

| TT | Đối tượng khảo sát                | Số lượng phiếu k/s | Số lượng đơn vị k/s | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|--------------------|---------------------|-----------|---------|
| A  | Theo nhóm đối tượng khảo sát      |                    |                     |           |         |
| I  | Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Tỉnh | 5                  |                     |           |         |

|            |                                                                                 |            |  |  |  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|--|
| 1          | Trung tâm giống chăn nuôi                                                       | 1          |  |  |  |
| 2          | Sở Nông nghiệp và PTNT                                                          | 1          |  |  |  |
| 3          | Sở KH và CN Nghệ An                                                             | 1          |  |  |  |
| 4          | Chi cục Chăn nuôi – thú y Nghệ An                                               | 1          |  |  |  |
| 5          | Trung tâm Khuyến nông Nghệ An                                                   | 1          |  |  |  |
| <b>II</b>  | <b>Doanh nghiệp</b>                                                             | <b>20</b>  |  |  |  |
| 1          | Công ty CP chăn nuôi CP Việt Nam                                                | 5          |  |  |  |
| 2          | Công ty CP Greenfeed Việt Nam                                                   | 5          |  |  |  |
| 3          | Công ty Masan Nghệ An                                                           | 5          |  |  |  |
| 4          | Công ty Cổ phần phát triển chăn nuôi Hoà Phát                                   | 5          |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Viện nghiên cứu</b>                                                          | <b>10</b>  |  |  |  |
| 1          | Viện Chăn nuôi                                                                  | 3          |  |  |  |
| 2          | Viện Khoa học Nông nghiệp VN                                                    | 3          |  |  |  |
| 3          | Viện Thú y                                                                      | 2          |  |  |  |
| 4          | Chi cục Thú y Vùng 3                                                            | 2          |  |  |  |
| <b>IV</b>  | <b>Giảng viên/Tổ trưởng bộ môn các trường Đại học cùng chuyên ngành đào tạo</b> | <b>15</b>  |  |  |  |
| 1          | ĐH Cần Thơ                                                                      | 5          |  |  |  |
| 2          | Học viện Nông nghiệp VN                                                         | 5          |  |  |  |
| 3          | Trường Đại học Nha Trang                                                        | 5          |  |  |  |
| <b>V</b>   | <b>Cựu sinh viên, sinh viên</b>                                                 | <b>50</b>  |  |  |  |
| 1          | Cựu sinh viên                                                                   | 20         |  |  |  |
| 2          | Sinh viên năm cuối                                                              | 30         |  |  |  |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                                                | <b>100</b> |  |  |  |
| <b>B</b>   | <b>Theo địa bàn khảo sát</b>                                                    |            |  |  |  |
| 1          | Hà Nội                                                                          | 15         |  |  |  |
| 2          | TPHCM                                                                           | 5          |  |  |  |
| 3          | Cần Thơ                                                                         | 6          |  |  |  |
| 4          | Nghệ An                                                                         | 74         |  |  |  |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                                                | <b>100</b> |  |  |  |

## 2. Thời gian, địa điểm khảo sát

- Thời gian khảo sát: Từ ngày 16/02/2021 đến ngày 16/3/2020.
- Địa điểm khảo sát: Hà Nội, Nghệ An, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ cụ thể theo địa chỉ của đối tượng khảo sát.

**Viện Nông nghiệp và Tài  
nguyên**



**TS. Nguyễn Đình Vinh**

**Trưởng bộ môn**



**TS. Lê Minh Hải**

**Người lập kế hoạch**



**Tạ Thị Bình**